

Số: 394 /KH-UBND

Vĩnh Hưng, ngày 09 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Quyết định số 3216/QĐ-UBND ngày 23/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc ban hành Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 - 2030 và Kế hoạch số 392/KH-UBND ngày 05/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về triển khai thực hiện Đề án; Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hưng ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn giai đoạn 2026 - 2030 cụ thể như sau:

I. Mục đích và Yêu cầu

1. Mục đích

- Cụ thể hóa đầy đủ, đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ và chỉ tiêu được giao tại Đề án (Quyết định 3216/QĐ-UBND) và Kế hoạch 392/KH-UBND của UBND tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của xã.

- Xây dựng nền hành chính cấp dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, kỷ cương, liêm chính, hoạt động thông suốt, phục vụ Nhân dân; đưa cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số trở thành động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương phát triển bền vững.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu (Chủ tịch UBND xã) và tinh thần trách nhiệm, năng lực thực thi công vụ, kỹ năng số của đội ngũ công chức chuyên môn cấp xã.

2. Yêu cầu

- Phương châm thực hiện: "Rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ sản phẩm, rõ kết quả".

- Gắn kết chặt chẽ giữa cải cách hành chính với chuyển đổi số, triển khai Đề án 06, phân cấp ủy quyền và chuẩn hóa quy trình công tác chuyên môn.

- Thực hiện nghiêm túc công tác tự kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ; khắc phục triệt để tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm hoặc những nhiễu, phiền hà người dân, doanh nghiệp.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ Nhân dân; bảo đảm quản trị điều hành thống nhất, thông suốt, kỷ cương, trách

nhệm và thích ứng với yêu cầu phát triển trong giai đoạn 2026 - 2030.

Nâng cao trách nhiệm của các tổ chức hành chính nhà nước, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, trọng tâm là giải quyết thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; cải thiện mạnh mẽ các chỉ số PAR INDEX, SIPAS; góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

2. Hệ thống mục tiêu cụ thể giai đoạn 2026 - 2030

Hệ thống chỉ tiêu cụ thể của xã giai đoạn 2026 - 2030 được cụ thể hóa theo đúng cấu trúc tiêu mục của Kế hoạch 392/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, bao gồm 08 nhóm chỉ tiêu trọng tâm:

2.1. Công tác chỉ đạo điều hành: Thực hiện kiểm tra CCHC, công vụ tối thiểu 25% các bộ phận hằng năm; đăng ký từ 01 - 02 sáng kiến CCHC được công nhận; duy trì đối thoại với người dân, doanh nghiệp.

2.2. Cải cách thể chế: Rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL do HĐND và UBND xã ban hành, xử lý dứt điểm các văn bản hết hiệu lực, mâu thuẫn trong năm 2026.

2.3. Cải cách thủ tục hành chính: Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt trên 95% hằng năm; kết quả TTHC điện tử đạt 100% vào năm 2027; mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đạt trên 95% năm 2029 (lĩnh vực đất đai, xây dựng đạt tối thiểu 90%).

2.4. Cải cách tổ chức bộ máy: Mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của chính quyền xã (SIPAS) đạt 95% năm 2029; thực hiện tinh giản biên chế từ 5% - 10% đến năm 2030.

2.5. Cải cách chế độ công vụ: 100% công chức được đánh giá theo sản phẩm/KPI hằng tháng; giảm 15% văn bản hành chính và 10% hội nghị hằng năm; 100% công chức chuyên môn đạt trình độ đại học và chuẩn hóa kỹ năng số vào năm 2029.

2.6. Cải cách tài chính công: Thực hiện cơ chế tự chủ kinh phí quản lý hành chính; quản lý và khai thác hiệu quả tài sản công, trụ sở làm việc sau sáp nhập.

2.7. Xây dựng Chính quyền điện tử, chính quyền số: 100% TTHC đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến toàn trình và số hóa kết quả vào năm 2027; tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu số hóa đạt 90% năm 2030; tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 90% năm 2030; 100% dữ liệu đất đai thuộc thẩm quyền được số hóa.

2.8. Chỉ tiêu đặc thù phục vụ mục tiêu xây dựng Phú Thọ trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2045: Số hóa 100% dữ liệu quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật xã trên nền tảng GIS; 100% TTHC đất đai, xây dựng được theo dõi tiến độ trên môi trường số; vận hành 01 mô hình kinh tế mới/đặc thù gắn với dịch vụ công số trước năm 2030.

(Chi tiết định mức, thời hạn hoàn thành và phân công bộ phận/công chức chịu trách nhiệm theo dõi, thực hiện từng chỉ tiêu được quy định tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Công tác chỉ đạo, điều hành và kiểm tra công vụ

- Ban hành Kế hoạch CCHC hằng năm của xã trước ngày 25/12 của năm trước; phân công rõ trách nhiệm cho từng công chức chuyên môn.
- Tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Chủ tịch UBND xã với Nhân dân và doanh nghiệp trên địa bàn ít nhất 01 lần/quý để kịp thời lắng nghe, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.
- Tăng cường tự kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính và công vụ hằng năm; bảo đảm kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với 100% các bộ phận chuyên môn thuộc xã.
- Đăng ký và triển khai ít nhất 01 sáng kiến, giải pháp đổi mới sáng tạo trong CCHC hằng năm được cấp có thẩm quyền công nhận.

2. Cải cách thể chế và tổ chức thi hành pháp luật

- Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do HĐND và UBND xã ban hành; xử lý hoặc đề xuất xử lý dứt điểm các văn bản hết hiệu lực, mâu thuẫn trong năm 2026.
- Thực hiện nghiêm quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật cấp xã (nếu có), bảo đảm tính hợp pháp, hợp hiến và tính khả thi cao.
- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật tại các thôn/tổ dân phố; duy trì hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở và hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của công dân.

3. Cải cách thủ tục hành chính và vận hành cơ chế một cửa, một cửa liên thông

- Niêm yết công khai đầy đủ: 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã được niêm yết công khai bằng bảng giấy truyền thống và mã QR code tại Bộ phận Một cửa và Trang thông tin điện tử của xã.
- Đổi mới quy trình tiếp nhận và giải quyết: Thực hiện tiếp nhận, giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo hướng dẫn của tỉnh; số hóa 100% hồ sơ, giấy tờ và kết quả giải quyết TTHC ngay tại khâu tiếp nhận; cấp kết quả điện tử đạt 100% từ năm 2027; tuyệt đối không yêu cầu người dân nộp lại giấy tờ đã số hóa.

Nâng cao chất lượng phục vụ: Khảo sát 100% mức độ hài lòng của người dân tại Bộ phận Một cửa qua thiết bị điện tử hoặc mã QR; thực hiện nghiêm túc việc xin lỗi bằng văn bản đối với hồ sơ trễ hạn.

4. Cải cách tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế

- Rà soát, phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng giữa Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã và từng chức danh công chức chuyên môn, tránh chồng chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ.

- Thực hiện lộ trình tinh giản biên chế từ 5% - 10% giai đoạn 2026 - 2030 theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh.

- Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa UBND xã với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

5. Cải cách chế độ công vụ và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức

- Thực hiện đánh giá theo KPI: Áp dụng thống nhất quy định đánh giá, xếp loại chất lượng công chức hằng tháng/hằng năm gắn với kết quả sản phẩm công việc thực tế theo KPI.

- Trình độ và năng lực công tác: Đến năm 2029, bảo đảm 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ đại học trở lên, được bồi dưỡng chuẩn hóa về lý luận chính trị, quản lý nhà nước và kỹ năng làm việc trên môi trường số.

- Siết chặt kỷ cương công vụ: Kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà, chậm trễ trong giải quyết công việc của Nhân dân; kịp thời biểu dương công chức có sáng kiến xuất sắc.

- Cải tiến lề lối làm việc: Giảm tối thiểu 15% số lượng văn bản hành chính ban hành và giảm 10% số lượng cuộc họp hằng năm; tăng cường ứng dụng họp trực tuyến và gửi nhận văn bản điện tử ký số.

6. Cải cách tài chính công và quản lý tài sản công

- Thực hiện nghiêm cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với UBND xã.

- Rà soát, quản lý và sử dụng hiệu quả tài sản công, trụ sở làm việc của xã sau sáp nhập theo quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP và Nghị định số 286/2025/NĐ-CP.

- Công khai, minh bạch 100% dự toán và quyết toán ngân sách xã theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

7. Xây dựng Chính quyền số, Hạ tầng số và Triển khai Đề án 06

- 100% cán bộ, công chức xã được trang bị máy tính kết nối mạng nội bộ an toàn, chữ ký số cá nhân để xử lý công việc hoàn toàn trên môi trường mạng; sử dụng thành thạo phần mềm quản lý văn bản điều hành.

- Duy trì dữ liệu dân cư 'đúng, đủ, sạch, sống'; phối hợp số hóa và cập nhật dữ liệu hộ tịch, đất đai, bảo trợ xã hội, y tế, sở sức khỏe điện tử; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt đạt 90% năm 2030.

- Phân công lực lượng đoàn viên, thanh niên, Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn/tổ dân phố 'đi từng ngõ, gõ từng nhà' để hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

8. Xây dựng Mô hình kinh tế mới / đặc thù gắn với chuyển đổi số tại cơ sở

- Căn cứ lợi thế địa phương (nông nghiệp công nghệ cao, sản phẩm OCOP, du lịch cộng đồng/văn hóa - tâm linh, thương mại dịch vụ số...), UBND xã lựa chọn và xây dựng 01 mô hình kinh tế mới/đặc thù hoàn thành trước năm 2030.

- Gắn mô hình kinh tế với việc áp dụng mã địa chỉ số, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc sản phẩm và cung cấp dịch vụ công số cho người dân.

IV. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch CCHC của xã được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước cấp xã theo phân cấp ngân sách hiện hành.

- Kết hợp lồng ghép kinh phí từ các Chương trình mục tiêu quốc gia (Xây dựng Nông thôn mới), Đề án 06 và các nguồn huy động hợp pháp khác.

- Ủy ban nhân dân xã ưu tiên bố trí kinh phí cho việc nâng cấp hạ tầng CNTT, Bộ phận Một cửa, mua sắm trang thiết bị số hóa và công tác thông tin, tuyên truyền CCHC.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã: Chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện CCHC trên địa bàn; trực tiếp chỉ đạo công tác CCHC, cải cách bộ máy, công vụ và tài chính công; chủ trì các phiên đối thoại với Nhân dân, doanh nghiệp.

2. Các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã: Chỉ đạo các lĩnh vực chuyên môn được phân công phụ trách gắn với các mục tiêu CCHC; trực tiếp kiểm tra, đôn đốc giải quyết TTHC, bảo đảm không để xảy ra hồ sơ quá hạn.

3. Phòng Văn hóa xã hội : Tham mưu tổng hợp, theo dõi, đôn đốc chung công tác CCHC; tham mưu đánh giá công chức theo KPI. Giải quyết TTHC lĩnh vực lao động, người có công, văn hóa, du lịch; tham mưu chuyển đổi số trong du lịch.

4. Văn phòng HĐND&UBND: Chủ trì tham mưu cải cách thể chế, rà soát văn bản QPPL; trực tiếp giải quyết TTHC lĩnh vực hộ tịch, chứng thực, hòa giải cơ sở; phối hợp số hóa dữ liệu hộ tịch; quản lý văn bản điện tử và chữ ký số.

5. Phòng Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì tham mưu giải quyết TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, môi trường; số hóa dữ liệu quy hoạch, đất đai; tham mưu mô hình kinh tế mới đặc thù của xã.

6. Phòng Kinh tế: Tham mưu cải cách tài chính công, quản lý tài sản công, lập dự toán kinh phí CCHC; hướng dẫn thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt tại Bộ phận Một cửa.

7. Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công: Chủ trì thông tin, tuyên truyền CCHC trên cổng/ trang thông tin điện tử của xã

8. Công an xã: Thường trực tham mưu triển khai Đề án 06 trên địa bàn; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu dân cư; phối hợp làm sạch dữ liệu chuyên ngành.

9. Trưởng các Thôn và Tổ công nghệ số cộng đồng: Tuyên truyền, vận động Nhân dân nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng VNeID và ghi nhận phản ánh của công dân.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức thành viên:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động hội viên và tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện cải cách hành chính; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội trong quá trình triển khai cải cách hành chính gắn với phòng chống tham nhũng, lãng phí và thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ KIỂM TRA

- UBND xã tiến hành tự kiểm tra công tác CCHC và thực thi công vụ định kỳ hằng quý hoặc đột xuất.

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện CCHC hằng năm gửi về UBND tỉnh và Sở Nội vụ trước ngày 05 tháng 12 hằng năm. Sơ kết giữa kỳ vào năm 2028 và tổng kết toàn diện vào năm 2030.

Trên đây là Kế hoạch Triển khai thực hiện Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2026 – 2030 của UBND xã Vĩnh Hưng. Trong quá trình thực hiện có khó khăn vướng mắc các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh về UBND xã (qua phòng Văn hóa – Xã hội) để trao đổi, thống nhất thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Phú Thọ (b/c);
- Sở Nội vụ tỉnh Phú Thọ (b/c);
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các phòng, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND xã;
- Trưởng các thôn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



(Handwritten signature in blue ink)

Nguyễn Thành Hưng

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP XÃ GIAI ĐOẠN
2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức / Kết quả phấn đấu	Bộ phận / Công chức chịu trách nhiệm theo dõi, thực hiện
I	Công tác chỉ đạo điều hành			
1	Tỷ lệ cơ quan, bộ phận thuộc xã được kiểm tra cải cách hành chính, công vụ hằng năm	%	Tối thiểu 25%	Phòng VHXX chủ trì, phối hợp với các bộ phận
2	Số sáng kiến, giải pháp đổi mới sáng tạo về cải cách hành chính được công nhận hằng năm	Sáng kiến	Từ 01 đến 02 sáng kiến/năm	Văn phòng HĐND&UBND chủ trì, phối hợp công chức chuyên môn
3	Tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Chủ tịch UBND xã với người dân, doanh nghiệp	Lần	Tối thiểu 01 lần/Quý	Văn phòng HĐND&UBND chủ trì, phối hợp các bộ phận
II	Cải cách thể chế			
4	Rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL do HĐND, UBND xã ban hành; xử lý dứt điểm văn bản hết hiệu lực, mâu thuẫn	Thời hạn	Hoàn thành trong năm 2026	Văn phòng HĐND&UBND chủ trì
III	Cải cách thủ tục hành chính			
5	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết đúng hạn và trước hạn hằng năm	%	Đạt 95% trở lên	Trung tâm PVHCC / Công chức chuyên môn
6	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	Đạt 100% vào năm 2027	Trung tâm PVHCC / Công chức chuyên môn
7	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng	%	Đạt 95% trở lên vào	Trung tâm Phục vụ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức / Kết quả phấn đấu	Bộ phận / Công chức chịu trách nhiệm theo dõi, thực hiện
	dịch vụ công trực tuyến		năm 2027	HCC
8	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp (riêng lĩnh vực đất đai, xây dựng đạt tối thiểu 90%)	%	Đạt tối thiểu 95% năm 2029 (đất đai, xây dựng đạt $\geq 90\%$)	Phòng Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm phục vụ HCC
IV	Cải cách tổ chức bộ máy			
9	Mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)	%	Đạt tối thiểu 95% vào năm 2029	UBND xã / Phòng VHXXH
10	Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập trên địa bàn	%	Đạt tối thiểu 90% vào năm 2029	Phòng VHXXH; Trạm Y tế, các Trường học
11	Tỷ lệ tinh giản biên chế cán bộ, công chức cấp xã so với năm 2026	%	Tinh giản 5% - 10% đến năm 2030	Phòng VHXXH
V	Cải cách chế độ công vụ			
12	Đánh giá, xếp loại chất lượng công chức gắn với kết quả, sản phẩm thực hiện nhiệm vụ theo KPI	%	100% công chức được đánh giá hằng tháng/năm từ năm 2026	Lãnh đạo UBND xã / Phòng VHXXH
13	Giảm số lượng văn bản hành chính ban hành so với năm trước	%	Giảm tối thiểu 15% hằng năm	Toàn thể công chức chuyên môn
14	Giảm số lượng các cuộc họp, hội nghị hằng năm	%	Giảm 10% hằng năm	Văn phòng HĐND&UBND; Toàn thể công chức chuyên môn
15	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã có trình độ cao đẳng, đại học và được chuẩn hóa về lý luận, chuyên môn, kỹ năng làm việc	%	Đạt 100% vào năm 2029	Lãnh đạo UBND xã / Phòng VHXXH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức / Kết quả phần đầu	Bộ phận / Công chức chịu trách nhiệm theo dõi, thực hiện
VI	Cải cách tài chính công			
16	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với UBND xã	Thời hạn	Duy trì thường xuyên đến năm 2030	Phòng Kinh tế
17	Quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản công, trụ sở làm việc của xã sau sáp nhập	Thời hạn	Hoàn thành sắp xếp trong năm 2026	Phòng Kinh tế; Văn phòng HĐND&UBND
VII	Xây dựng Chính quyền điện tử, chính quyền số			
18	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng DVC Quốc gia	%	Đạt 100% vào năm 2027	Trung tâm Phục vụ HCC / Công chức chuyên môn
19	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	Đạt 100% vào năm 2027	Trung tâm phục vụ HCC
20	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã số hóa trong giải quyết TTHC, dịch vụ công	%	Đạt 90% vào năm 2030	Toàn thể công chức chuyên môn
21	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC Quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán phí, lệ phí	%	Đạt 90% vào năm 2030	Trung tâm PV HCC / Phòng Kinh tế
22	Tỷ lệ dữ liệu đất đai, quy hoạch thuộc thẩm quyền cấp xã được số hóa	%	Đạt 100% vào năm 2030	Phòng NN và MT
23	Tỷ lệ hoạt động kiểm tra của UBND xã thực hiện thông qua môi trường số	%	Đạt 70% vào năm 2030	Lãnh đạo UBND xã; Văn phòng HĐND&UBND
24	Chuẩn hóa, cập nhật, khai thác các CSDL chuyên ngành (dân	CSDL	Hoàn thành 100%	Công an xã, Văn phòng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức / Kết quả phần đầu	Bộ phận / Công chức chịu trách nhiệm theo dõi, thực hiện
	cư, hộ tịch, y tế, sổ sức khỏe điện tử, an sinh xã hội)		vào năm 2030	HĐND&UBND, trạm Y tế, phòng VH-XH
VIII	Chỉ tiêu đặc thù phục vụ mục tiêu xây dựng Phú Thọ trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2045			
25	Dữ liệu quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, hạ tầng kỹ thuật cấp xã được số hóa, chuẩn hóa trên nền tảng GIS	%	Đạt 100% vào năm 2030	Phòng NN và Môi trường
26	Quản lý, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC liên quan đến đất đai, xây dựng, môi trường trên môi trường số	%	100% TTHC được theo dõi trên môi trường số; $\geq 90\%$ hồ sơ xử lý điện tử liên thông vào năm 2030	Phòng NN và Môi trường, Trung tâm Phục vụ HCC
27	Xây dựng và vận hành mô hình kinh tế mới hoặc mô hình kinh tế đặc thù gắn với dịch vụ công số tại địa phương	Mô hình	Đạt 01 mô hình hiệu quả vào năm 2030	Phòng NN và MT